

BÁO CÁO

Thẩm tra các dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thứ 11 (giữa năm 2023), Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X

Thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 127/HĐND ngày 24/4/2023 về việc thẩm tra dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp giữa năm 2023, HĐND tỉnh khóa X.

Sau khi xem xét hồ sơ, nghiên cứu nội dung các dự thảo nghị quyết của UBND tỉnh, Ban kinh tế - ngân sách đã tổ chức làm việc trực tiếp với các đơn vị soạn thảo và tiến hành công tác thẩm tra theo quy định. Ngày 16/6/2023, Ban đã họp toàn thể các thành viên cùng với các đơn vị soạn thảo để thông qua các nội dung báo cáo thẩm tra của Ban trình tại kỳ họp. Ban kinh tế - ngân sách báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh ý kiến thẩm tra các dự thảo nghị quyết, cụ thể như sau:

1. Dự thảo Nghị quyết thông qua kế hoạch bổ sung vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành

Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X đã ban hành Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 với tổng kế hoạch vốn là 41.524 tỷ 074 triệu đồng. Tuy nhiên, ngày 23/02/2023 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 147/QĐ-TTg về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương, trong đó đã bố trí cho tỉnh số vốn là 163 tỷ 246 triệu đồng. Đồng thời, hiện nay dự phòng ngân sách địa phương trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 chưa phân bổ là 1.699 tỷ 263 triệu đồng. Theo quy định tại khoản 6 Điều 51 Luật Đầu tư công: “*Hội đồng nhân dân các cấp quyết định mức vốn, việc sử dụng, thời điểm sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách cấp mình quản lý*”.

Từ những căn cứ nêu trên, việc trình HĐND tỉnh Nghị quyết thông qua kế hoạch bổ sung vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 là cần thiết và đúng với thẩm quyền.

b) Về dự thảo nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với kế hoạch bổ sung vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 do UBND tỉnh trình và đề nghị điều chỉnh nội dung tại Điều 1 của dự thảo nghị quyết như sau:

“Điều 1. Thông qua kế hoạch bổ sung vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 với tổng vốn là 221 tỷ 246 triệu đồng, trong đó bổ sung ngân sách trung ương là 163 tỷ 246 triệu đồng, ngân sách địa phương là 58 tỷ đồng, bao gồm:.....”.

Dự thảo nghị quyết: đảm bảo nội dung, sau khi UBND tỉnh điều chỉnh phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

2. Dự thảo Nghị quyết kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 sang năm 2023 nguồn ngân sách địa phương

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Khoản 2 Điều 68 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định: “*Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm đến ngày 31 tháng 01 năm sau. Trường hợp bất khả kháng, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với vốn ngân sách địa phương cho phép kéo dài thời gian thực hiện nhưng không quá 31 tháng 12 năm sau*”.

Căn cứ quy định nêu trên thì việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về danh mục dự án kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 sang năm 2023 nguồn ngân sách địa phương là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về nội dung dự thảo nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với danh mục dự án kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn nguồn ngân sách địa phương do UBND tỉnh trình. Tuy nhiên, Ban kinh tế - ngân sách có một số ý kiến như sau:

- Qua rà soát các danh mục dự án kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân theo đề xuất của UBND tỉnh, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị UBND tỉnh phân tích, bổ sung nguyên nhân kéo dài thời gian thực hiện giải ngân các dự án;

- Theo báo cáo số 181/BC-UBND ngày 15/6/2023 của UBND tỉnh, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 kéo dài sang năm 2022 nguồn ngân sách địa phương thực hiện đạt 53,16% kế hoạch; một số huyện, thị xã không thực hiện được việc giải ngân đối với nguồn được phân cấp (như: huyện Hòn Quản 0%, huyện Bù Đăng 0%, thị xã Bình Long 0%). Do đó, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn tiến hành rà soát, phân tích các nhóm nguyên nhân trong việc thực hiện giải ngân đạt thấp, qua đó xây dựng và trình HĐND tỉnh nội dung đề xuất danh mục các dự án kéo dài thời gian giải ngân vốn đầu tư năm 2022 sang năm 2023 đối với nguồn phân cấp huyện, thị xã, thành phố đảm bảo đúng với các quy định, phù hợp với tình hình thực tế và góp phần nâng cao tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công;

- Tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 31/3/2022, HĐND tỉnh đã thông qua việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 đến ngày 31/12/2022 nguồn ngân sách địa phương với tổng số vốn là 249 tỷ 651 triệu đồng; tuy nhiên, theo Báo cáo số 181/BC-UBND ngày 15/6/2023 của UBND tỉnh thì tổng kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm

2022 nguồn ngân sách địa phương là 190 tỷ 051 triệu đồng. Đề nghị UBND tỉnh báo cáo làm rõ.

Dự thảo nghị quyết: đảm bảo nội dung, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Sau khi UBND tỉnh bổ sung và giải trình làm rõ, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

3. Dự thảo Nghị quyết kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X đã thông qua Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023. Tuy nhiên, trong thực hiện dự toán thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2023 của địa phương cho thấy dự kiến số thu tiền sử dụng đất không đạt dự toán của HĐND tỉnh, phải điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương.

Do đó, việc trình HĐND tỉnh nghị quyết thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về dự thảo nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách thống nhất với kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2023 là 5.066 tỷ 774 triệu đồng, giảm 952 tỷ 857 triệu đồng so với Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh. Bên cạnh đó, đề nghị UBND tỉnh quan tâm một số nội dung sau:

- Theo quy định tại khoản 4 Điều 63 Luật Đầu tư công: “Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, Ủy ban nhân dân các cấp giao kế hoạch đầu tư công năm sau cho các đơn vị thực hiện”. Tuy nhiên, theo nội dung báo cáo của UBND tỉnh, đến thời điểm hiện nay còn 264 tỷ đồng chưa được thực hiện giao vốn, đề nghị UBND tỉnh phân tích và làm rõ nguyên nhân;

- Nguồn đầu tư tiền sử dụng đất chiếm 60% tổng kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách địa phương năm 2023, tuy nhiên thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm đạt 22,7% kế hoạch; vốn chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững chưa thực hiện giải ngân; nguồn vốn phân cấp cho các huyện, thị xã, thành phố giải ngân đạt tỷ lệ rất thấp. Do đó, đề nghị UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo, rà soát những hạn chế, bất cập trong công tác thực hiện giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh thời gian qua để định hướng, xây dựng các giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm thực hiện, góp phần nâng cao tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công.

Dự thảo nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Sau khi UBND tỉnh giải trình làm rõ, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

4. Dự thảo Nghị quyết dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Theo khoản 5 Điều 56 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định: “Trước ngày 25 tháng 7 hàng năm, Ủy ban nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau”. Do đó, việc trình Hội đồng

nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về nội dung nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách thống nhất với nội dung của dự thảo nghị quyết do Ủy ban nhân dân tỉnh trình. Dự thảo nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

5. Các dự thảo Nghị quyết về quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Tại khoản 7 Điều 17 của Luật Đầu tư công năm 2019 quy định: “*Hội đồng nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý*”.

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 34 Luật Đầu tư công cũng quy định: “*cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thì có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình*”.

Do đó, việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua các nghị quyết về quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về nội dung các dự thảo nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 do UBND tỉnh trình với các nội dung như sau:

- Thông nhất quyết định chủ trương đầu tư dự án Đầu tư trang thiết bị cho bộ phận một cửa các cấp và lực lượng Công an để triển khai mô hình dịch vụ công theo Đề án 06/CP với tổng mức đầu tư 30 tỷ đồng từ nguồn ngân sách tỉnh;

- Thông nhất điều chỉnh chủ trương đầu tư 03 dự án¹, trong đó chỉ điều chỉnh tên dự án, cơ cấu nguồn vốn của các dự án và không làm tăng tổng mức đầu tư của các dự án so với các quyết định chủ trương đầu tư ban đầu của HĐND tỉnh.

Dự thảo nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh và giải trình phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

6. Dự thảo Nghị quyết thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất năm 2023 và điều chỉnh tên, diện tích các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022

¹ (1) Dự án điều chỉnh tên dự án Nâng cấp, mở rộng ĐT.753 giai đoạn I (đoạn từ ngã tư Sóc Miên, thành phố Đồng Xoài đến đường Đồng Phú - Bình Dương); (2) dự án xây dựng đường ĐT.759B đi đồn biên phòng 793; (3) dự án xây dựng đường vành đai từ đường Lê Duẩn (ĐT.759) đi xã Thiện Hưng.

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai quy định: "*Trường hợp có bổ sung dự án, công trình mà phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai thì phải được Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông qua trước khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện*".

Thời gian qua, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2023, hủy các danh mục dự án không thực hiện và danh mục các dự án thu hồi đất quá 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã phát sinh sai lệch về diện tích, địa điểm và tên của một số dự án so với nội dung danh mục đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, do đó cần phải xem xét và điều chỉnh danh mục một số dự án.

Do đó, việc trình HĐND tỉnh thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất năm 2023 và điều chỉnh tên, diện tích các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về nội dung dự thảo nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất năm 2023 và việc điều chỉnh tên, diện tích của một số dự án tại Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh theo nội dung trình của UBND tỉnh. Bên cạnh đó, đề nghị UBND tỉnh xem xét một số nội dung sau:

- Phân tích, làm rõ căn cứ pháp lý để xuất danh mục dự án khu công nghiệp và dân cư Becamex - Bình Phước (thị xã Chơn Thành) với diện tích 9,79 ha đất trồng lúa vì Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh đã thông qua danh mục thu hồi đất đối với dự án khu công nghiệp và dân cư Becamex - Bình Phước với diện tích 2.009 ha đất cây lâu năm;

- Xem xét tính phù hợp đối với căn cứ pháp lý của 02 dự án cải tạo môi trường, nạo vét suối, chống sạt lở, đường giao thông, trồng cây xanh, kè mái ta luy Bến Đính, Suối Đôi (thị xã Chơn Thành) vì theo nội dung Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 và Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 của UBND thị xã Chơn Thành, thời gian thực hiện các dự án từ năm 2015 - 2017;

- Đề nghị bổ sung nguồn vốn thực hiện của tất cả các dự án trong danh mục. Đồng thời, cung cấp số liệu về nguồn vốn của các dự án đảm bảo chính xác theo các văn bản giao vốn của cấp thẩm quyền đã ban hành.

- c) Dự thảo nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Sau khi UBND tỉnh giải trình, điều chỉnh nội dung phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua.**

7. Dự thảo Nghị quyết phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Luật Lâm nghiệp: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới, rừng phòng hộ chăn gió, chăn cát bay và rừng phòng hộ chăn sóng, lán biển dưới 20 ha; rừng sản xuất dưới 50 ha; rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư*”. Thời gian qua, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiếp nhận thêm một số hồ sơ của các tổ chức, cá nhân có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Do đó, để đảm bảo thực hiện đúng thời gian các quy trình, thủ tục hành chính trong chuyên mục đích sử dụng đất rừng cho người dân theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 và Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ thì việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về nội dung dự thảo nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với các chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo nội dung tờ trình của UBND tỉnh. Hồ sơ của các dự án chuyển đổi mục đích rừng trình HĐND tỉnh cơ bản đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ và đã được UBND tỉnh thực hiện công tác thẩm định theo đúng quy định. Đồng thời, Ban kinh tế - ngân sách có ý kiến như sau:

- Đề nghị nội dung báo cáo thẩm định của UBND tỉnh cần thể hiện rõ hơn về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp huyện. Về tính phù hợp quy hoạch lâm nghiệp, do hiện nay Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia chưa được phê duyệt nên việc rà soát tính phù hợp với quy hoạch được cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh thực hiện theo Công văn số 8534/BNN-TCLN ngày 20/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiếp tục phối hợp trong việc rà soát các nội dung quy hoạch, cập nhật và tích hợp các nội dung quy hoạch tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về quy hoạch; đảm bảo thống nhất không chồng lấn với diện tích đất quy hoạch các khu công nghiệp lân cận;

- Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp và thực hiện nghiêm nội dung quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ²;

c) Dự thảo nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Sau khi UBND tỉnh giải trình làm rõ, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

² Cơ quan Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp kiểm tra hồ sơ về điều kiện chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định tại Điều 19 của Luật Lâm nghiệp, đồng thời rà soát, xác định vị trí, diện tích, hiện trạng rừng trước khi phê duyệt chuyển mục đích sử dụng.

8. Dự thảo Nghị quyết quy định vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Bình Phước

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Điểm h khoản 1 Điều 80 Luật Chăn nuôi năm 2018 quy định: “*Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quyết định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi*”. Do đó, việc trình HĐND tỉnh dự thảo nghị quyết quy định vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Bình Phước là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về nội dung dự thảo nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung trình của UBND tỉnh và có ý kiến như sau:

- Đề nghị xem xét và điều chỉnh nội dung “vùng nuôi chim yến là vùng nằm ngoài quy hoạch đất khu dân cư” quy định tại Điều 2 dự thảo nghị quyết thành “vùng nuôi chim yến là vùng nằm ngoài khu dân cư”;

- Sửa đổi nội dung “Đồng thời đảm bảo khoảng cách từ nhà yến đến khu dân cư tối thiểu 300 mét” thành “đảm bảo khoảng cách từ nhà yến đến khu tập trung xử lý nước thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 200 m; trường học, bệnh viện, chợ, nguồn cung cấp nước sinh hoạt cho cộng đồng dân cư tối thiểu là 300 m.” để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi và khoản 2 Điều 1 Quyết định số 06/QĐ-BNN-CN ngày 02/01/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn nghiên cứu, xây dựng hướng dẫn cụ thể về việc thực hiện các nội dung quy định tại Điều 3 của dự thảo nghị quyết ngay sau khi nghị quyết được HĐND tỉnh xem xét thông qua.

c) Dự thảo nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Sau khi UBND tỉnh xem xét điều chỉnh nội dung phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

9. Dự thảo Nghị quyết quy định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Tại điểm a khoản 2 Điều 35 của Luật Thủy lợi năm 2017 quy định: “*Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trên cơ sở giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định*”.

Do đó, việc trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về nội dung nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách thống nhất với nội dung dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo phương án đề xuất của UBND tỉnh đảm bảo tuân thủ theo khung giá do Bộ Tài chính ban hành tại Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 và cơ bản đảm bảo, phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh tên gọi của dự thảo nghị quyết thành: “**Nghị quyết quy định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023**”.

Dự thảo nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Sau khi UBND tỉnh điều chỉnh nội dung nghị quyết phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

10. Dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

Theo quy định tại khoản 2 Điều 7, Điều 8, Điều 9, khoản 2 Điều 10, khoản 3 Điều 11, Điều 12, khoản 2 Điều 14, điểm a, khoản 2, điều 20, điểm d khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 39, khoản 3 điều 50 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 quy định “*căn cứ điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao đổi với một số nội dung quy định tại Thông tư này*”.

Do đó, việc trình HĐND tỉnh thông qua quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về nội dung nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình và có một số ý kiến như sau:

- Đề nghị bổ sung các căn cứ pháp lý:

Căn cứ Thông tư 05/2022/TT-BNNPTNN ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề nông thôn giai đoạn 2021 - 2030;

- Đề nghị bỏ cụm từ “tối đa” trước các định mức hỗ trợ;

- Đề nghị phân tích thêm về cơ sở pháp lý xây dựng nội dung quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 2 của dự thảo nghị quyết. Vì theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 05/2017/TT-BTTTT ngày 02/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông thì “*căn cứ tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định địa điểm, quy mô nâng cấp phần phát thanh, truyền thanh của đài truyền thanh huyện và của trạm phát lại phát thanh, truyền hình trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc ưu tiên đối với khu vực hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người*”;

- Phân tích cơ sở pháp lý để xây dựng nội dung quy định tại khoản 4 Điều 2 của dự thảo nghị quyết. Đồng thời, cần thể hiện rõ được đối tượng được hỗ trợ là ai? cân nhắc đối với việc hỗ trợ tối đa 100%;

- Nội dung tại khoản 5 Điều 2 về “*chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp*” chưa thể hiện được đối tượng hỗ trợ cụ thể. Đề nghị điều chỉnh nội dung để thể hiện rõ được đối tượng, nội dung hỗ trợ;

- Nội dung quy định tại khoản 6 Điều 2 chưa đảm theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư 05/2022/TT-BNNPTNN ngày 25/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đồng thời nội dung chưa tương đồng với tiêu đề của mục “*phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn*”. Cần phân tích và làm rõ về số lượng làng nghề truyền thống ở nông thôn trên địa bàn tỉnh hiện nay, xác định rõ các nội dung cần hỗ trợ đối với các làng nghề theo quy định;

- Đối với nội dung quy định tại khoản 7 Điều 2 của dự thảo nghị quyết: cần quy định rõ nội dung hỗ trợ đối với dự án, điểm, sản phẩm du lịch đã được công nhận hay chưa được công nhận; có đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch hay không?

- Đề nghị rà soát nội dung tại khoản 8 Điều 2 của dự thảo nghị quyết để tránh trùng lặp đối với một số nội dung quy định tại Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh; đồng thời, xây dựng mức chi phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

c) Dự thảo nghị quyết cơ bản đảm bảo nội dung, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Sau khi UBND tỉnh giải trình, điều chỉnh và bổ sung các nội dung phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

11. Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của HĐND tỉnh quy định chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước

a) Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành nghị quyết

HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở căn cứ pháp lý là Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020. Tuy nhiên, ngày 12/8/2022, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2022/TT-

BTC thay thế Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 và Thông tư số 08/2019/TT-BTC ngày 30/01/2019 của Bộ Tài chính.

Đồng thời, để đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của trung ương thì việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của HĐND tỉnh quy định chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Về Nội dung dự thảo nghị quyết

Ban kinh tế - ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình. Đồng thời, đề nghị UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh một số nội dung sau:

- Đề nghị điều chỉnh tên gọi của dự thảo nghị quyết và nội dung tại Điều 1 của dự thảo nghị quyết là: “*Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh*”;

- Đề nghị điều chỉnh bối cảnh của nội dung quy định tại Điều 1 như sau:

“1. Sửa đổi nội dung khoản 5 Điều 5 như sau:

Điều 5. Dự án liên kết

5. Điều kiện, nội dung hỗ trợ đối với dự án liên kết

a) Điều kiện hỗ trợ

- Dự án, kế hoạch liên kết phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng ...

2. Sửa đổi khoản 1 Điều 8 như sau:

“1. Ngoài phần hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết quy định tại Điều 7, các bên tham gia liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện....”

3. Sửa đổi khoản 1 Điều 9 như sau:

“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: phê duyệt dự án liên kết có địa bàn thực hiện từ 02 đơn vị cấp huyện trở lên hoặc sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước từ 500 triệu đồng trở lên”.

- Đối với nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của dự thảo nghị quyết: đề nghị điều chỉnh thành “*Điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia*” để đảm bảo đúng theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

c) Dự thảo nghị quyết đảm bảo nội dung, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Sau khi UBND tỉnh điều chỉnh, sửa đổi phù hợp, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách đối với các dự thảo nghị quyết do UBND tỉnh trình tại kỳ họp thứ 11 (giữa năm 2023) của Hội đồng nhân dân tỉnh. Ban kinh tế - ngân sách kính trình HĐND tỉnh xem xét và quyết định./.

Noi nhận:

- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- LĐVP, Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT.

TM. BAN KT-NS HĐND TỈNH



Huỳnh Hữu Thiết